

BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất và mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
I	Hàng hóa		
1	Thuốc lá		
	a) Thuốc lá điếu	75	- Từ 01/01/2027: 2.000 đồng/bao - Từ 01/01/2028: 4.000 đồng/bao - Từ 01/01/2029: 6.000 đồng/bao - Từ 01/01/2030: 8.000 đồng/bao - Từ 01/01/2031: 10.000 đồng/bao
	b) Xi gà	75	- Từ 01/01/2027: 20.000 đồng/điếu - Từ 01/01/2028: 40.000 đồng/điếu - Từ 01/01/2029: 60.000 đồng/điếu - Từ 01/01/2030: 80.000 đồng/điếu - Từ 01/01/2031: 100.000 đồng/điếu
	c) Thuốc lá sợi, thuốc láo hoặc các dạng khác	75	- Từ 01/01/2027: 20.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 01/01/2028: 40.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 01/01/2029: 60.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 01/01/2030: 80.000 đồng/100g hoặc 100ml - Từ 01/01/2031: 100.000 đồng/100g hoặc 100ml
2	Rượu		
	a) Rượu từ 20 độ trở lên	- Từ 01/01/2026: 65 - Từ 01/01/2027: 70 - Từ 01/01/2028: 75 - Từ 01/01/2029: 80 - Từ 01/01/2030: 85 - Từ 01/01/2031: 90	
	b) Rượu dưới 20 độ	- Từ 01/01/2026: 35 - Từ 01/01/2027: 40 - Từ 01/01/2028: 45 - Từ 01/01/2029: 50 - Từ 01/01/2030: 55 - Từ 01/01/2031: 60	

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất và mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
3	Bia	- Từ 01/01/2026: 65 - Từ 01/01/2027: 70 - Từ 01/01/2028: 75 - Từ 01/01/2029: 80 - Từ 01/01/2030: 85 - Từ 01/01/2031: 90	
4	Xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ		
	a) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người, trừ loại quy định tại các mục 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại khoản này		
	- Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm ³ trở xuống	35	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm ³ đến 2.000 cm ³	40	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm ³ đến 2.500 cm ³	50	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ đến 3.000 cm ³	60	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³ đến 4.000 cm ³	90	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm ³ đến 5.000 cm ³	110	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm ³ đến 6.000 cm ³	130	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm ³	150	
	b) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ, trừ loại quy định tại các mục 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại khoản này	15	
	c) Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 16 đến dưới 24 chỗ, trừ loại quy định tại các mục 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại khoản này	10	

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất và mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
	d) Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng, trừ loại quy định tại các mục 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại khoản này		
	- Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm ³ trở xuống	- Từ 01/01/2026: 15 - Từ 01/01/2027: 18 - Từ 01/01/2028: 21 - Từ 01/01/2029: 24	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ đến 3.000 cm ³	- Từ 01/01/2026: 20 - Từ 01/01/2027: 23 - Từ 01/01/2028: 26 - Từ 01/01/2029: 29	
	- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³	- Từ 01/01/2026: 25 - Từ 01/01/2027: 28 - Từ 01/01/2028: 31 - Từ 01/01/2029: 34	
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện theo quy định của Chính phủ, xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định; xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các mục 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại khoản này.	
	e) Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	Bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các mục 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại khoản này.	
	g) Xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ chạy điện		
	* Xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ chạy bằng pin		

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất và mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người	- Từ 01/01/2026: 3 - Từ 01/3/2027: 11	
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ	- Từ 01/01/2026: 2 - Từ 01/3/2027: 7	
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 16 đến dưới 24 chỗ	- Từ 01/01/2026: 1 - Từ 01/3/2027: 4	
	- Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng	- Từ 01/01/2026: 2 - Từ 01/3/2027: 7	
	* Xe có động cơ dưới 24 chỗ chạy điện khác:		
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người	15	
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 10 đến dưới 16 chỗ	10	
	- Xe ô tô chở người và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ 16 đến dưới 24 chỗ	5	
	- Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng	10	
	h) Xe ô tô nhà ở lưu động không phân biệt dung tích xi lanh	75	
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm ³	20	
6	Máy bay, trực thăng, tàu lượn	30	
7	Du thuyền	30	

STT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất và mức thuế tuyệt đối	
		Thuế suất (%)	Mức thuế tuyệt đối
8	Xăng các loại		
	a) Xăng	10	
	b) Xăng E5	8	
	c) Xăng E10	7	
9	Điều hoà nhiệt độ công suất trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU	10	
10	Bài lá	40	
11	Vàng mã, hàng mã	70	
12	Nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml	- Từ 01/01/2027: 8 - Từ 01/01/2028: 10	
II	Dịch vụ		
1	Kinh doanh vũ trường	40	
2	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30	
3	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	35	
4	Kinh doanh đặt cược	30	
5	Kinh doanh gôn	20	
6	Kinh doanh xổ số	15	

2. Mức thuế tuyệt đối đối với thuốc lá điều tại điểm a mục 1 phần I của Biểu thuế này áp dụng với bao thuốc lá có 20 điếu. Chính phủ hướng dẫn quy đổi mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với bao thuốc lá khác 20 điếu.

Mức thuế tuyệt đối đối với xì gà tại điểm b mục 1 phần I của Biểu thuế này áp dụng với xì gà có trọng lượng 20g/điếu. Chính phủ hướng dẫn quy đổi mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với xì gà có trọng lượng khác 20g/điếu.

Chương III

HOÀN THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ, GIẢM THUẾ

Điều 9. Hoàn thuế, khấu trừ thuế

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp sau đây: